



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

ĐỊA CHỈ: 18 PHẠM HÙNG, HÀ NỘI
ADDRESS: 18 PHAM HUNG ROAD, HA NOI
ĐIỆN THOẠI/ TEL: (84) 4 3 7684701
FAX: (84) 4 3 7684779
EMAIL: vr-id@vr.org.vn
WEB SITE: www.vr.org.vn

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số thông báo: 036TI/10TB

Nội dung: Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cho tàu biển theo Bộ luật quốc tế về chở xô hàng rời rấn bằng đường biển (IMSBC) của IMO từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Kính gửi: Các Chủ tàu/ Công ty quản lý tàu
Các Đơn vị thiết kế tàu biển
Các Nhà máy đóng, sửa chữa tàu
Các Chi cục Đăng kiểm tàu biển

Như chúng tôi đã thông báo đến các Quý Cơ quan tại Thông báo kỹ thuật số 028TI/10TB ngày 04 tháng 11 năm 2010, tại khóa họp thứ 85 (tháng 12 năm 2008), Ủy ban An toàn Hàng hải (MSC) của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) đã thông qua Bộ luật quốc tế về chở xô hàng rời rấn bằng đường biển (the International Maritime Solid Bulk Cargoes (IMSBC) Code). Bộ luật này có hiệu lực và trở thành bắt buộc áp dụng đối với tất cả các tàu biển chở xô hàng rời rấn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Tương tự như Bộ luật về thực hành an toàn đối với hàng rời rấn chở xô năm 2004 (BC 2004), Bộ luật IMSBC không yêu cầu tàu chở xô hàng rời rấn phải được kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đặc thù để vận chuyển loại hàng này, nhưng có khá nhiều cảng và các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài yêu cầu tàu phải có giấy chứng nhận phù hợp với Bộ luật IMSBC nếu muốn chở xô hàng rời rấn, tương tự như giấy chứng nhận phù hợp với Bộ luật BC 2004.

Cục Đăng kiểm Việt Nam có thể thực hiện việc kiểm tra và cấp giấy chứng nhận phù hợp với Bộ luật IMSBC cho tàu trên cơ sở đề nghị tự nguyện của chủ tàu/ công ty quản lý tàu (sau đây gọi là “chủ tàu”) để tạo điều kiện thuận lợi cho các tàu hoạt động tuyến quốc tế như sau:

1/ Đối với các tàu đang có Giấy chứng nhận theo Bộ luật BC

1.1 Giấy chứng nhận phù hợp hiện thời theo Bộ luật BC 2004 được thay thế bằng giấy chứng nhận theo Bộ luật IMSBC tại đợt kiểm tra chu kỳ an toàn kết cấu hoặc an

toàn trang thiết bị đầu tiên vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011 theo quy trình như sau:

- .1 Nếu trong danh mục hàng của giấy chứng nhận theo Bộ luật BC 2004 không có hạng mục nào trong mục 1.2 dưới đây thì chủ tàu gửi đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận theo Bộ luật IMSBC tới VR, và giấy chứng nhận sẽ được cấp sau khi xem xét hồ sơ.
- .2 Nếu trong danh mục hàng có bất kỳ hạng mục nào trong mục 1.2 thì chủ tàu gửi đơn đề nghị thực hiện kiểm tra bất thường để cấp giấy chứng nhận theo Bộ luật IMSBC.
- .3 Tuy nhiên, nếu tàu không thỏa mãn yêu cầu đối với loại hàng nào, thì loại hàng đó sẽ được loại ra khỏi danh mục hàng.
- .4 Sau khi thỏa mãn các yêu cầu theo quy định đối với loại hàng liên quan tại các đợt kiểm tra tiếp theo, thì hàng đó có thể được thêm vào danh mục hàng.
- .5 Quy trình để thêm hàng mới vào danh mục hàng được nêu ở 2.2.

1.2 Các yêu cầu kỹ thuật áp dụng đối với các loại hàng cần phải xem xét đặc biệt khi chuyển sang giấy chứng nhận theo Bộ luật IMSBC:

- .1 AMMONIUM NITRATE BASED FERTILIZER UN 2071 (Class 9)
 - a. Nếu vách giữa buồng máy và hầm hàng không được bọc A-60 thì hàng phải được xếp “cách xa vách”. (phải được ghi chú trong giấy chứng nhận)
- .2 AMMONIUM NITRATE BASED FERTILIZER (không nguy hiểm)
 - b. Dấu hiệu “NO SMOKING” phải được bố trí trên boong bất kỳ khi nào có hàng này trên tàu.
 - c. Bổ sung thêm 2 thiết bị thở SCBA (cùng 2 bình khí dự trữ 1200 lít/SCBA) ngoài các bộ theo yêu cầu của Quy định II-2/10 SOLAS.
 - d. Bổ sung 4 bộ quần áo bảo hộ kín chịu hóa chất bao gồm găng tay, ủng, quần áo, mũ và kính.
 - e. Lượng nước cứu hỏa được cung cấp phải đủ cho 4 lăng phun với kích thước và áp lực theo Quy định II-2/10 của Công ước SOLAS.
 - f. Tất cả các thiết bị điện, trừ các thiết bị kiểu an toàn (kiểu ia), trong hầm hàng chở loại hàng này phải được ngắt ra khỏi nguồn điện bằng biện pháp thích hợp không phải là cầu chì tại vị trí ngoài hầm hàng
- .3 DIRECT REDUCED IRON (A) BRIQUETTES, HOT MOULDED (MHB)
 - a. Lắp lưới loại thích hợp tại ống thông gió
- .4 DIRECT REDUCED IRON (B) lumps, pellets, cold moulded briquettes (MHB)

- a. Dấu hiệu “NO SMOKING” phải được bố trí trên boong và các khu vực liền kề hầm hàng khi xếp dỡ loại hàng này.
- .5 PEANUTS (in shell) (Group C)
 - a. Vách giữa buồng máy và hầm hàng phải được bọc A-60.
- .6 SAND (Group)
 - a. Khi dự định chở SAND COATED WITH RESIN vách giữa buồng máy và hầm hàng phải được bọc A-60.
- .7 SAWDUST (MHB)
 - a. Phải trang bị thông gió tự nhiên hoặc cưỡng bức cho hầm hàng.
- .8 SCRAP METAL (Group C)
 - a. Phải trang bị thông gió tự nhiên hoặc cưỡng bức cho hầm hàng.
- 1.3 Giấy chứng nhận theo Bộ luật IMSBC được cấp có hạn hiệu lực như hạn hiệu lực của giấy chứng nhận theo Bộ luật BC 2004 được thay thế.
- 1.4 Các yêu cầu kỹ thuật áp dụng đối với các loại hàng được thêm vào Bộ luật IMSBC:
 - .1 CHOPPED RUBBER AND PLASTIC INSULATION (GROUP C), COARSE CHOPPED TYRES (GROUP C) and GRANULATE TYPE RUBBER (GROUP C)
 - a. Khi thời gian dự kiến kể từ khi bắt đầu xếp hàng đến khi kết thúc dỡ hàng vượt quá 5 ngày, thì hàng phải được chở trong hầm hàng có trang bị hệ thống dập cháy cố định bằng khí.
 - .2 DIRECT REDUCED IRON (C) (By product fines) (MHB)
 - a. Khi làm hàng phải có dấu hiệu “NO SMOKING” đặt trên boong và các khu vực liền kề hầm hàng.
 - b. Hầm hàng phải được trang bị hệ thống dập cháy cố định (hệ thống dập cháy bằng khí trợ theo Quy định II-2/10.7.1.3 của Công ước SOLAS trừ CO₂/nước/hơi nước).
 - c. Nếu có thiết bị điện trong hầm hàng kín hoặc trong kênh thông gió cho hầm hàng như vậy thì các thiết bị điện này phải có cấp phòng nổ IICT2.
 - .3 FERROSILICON with 25% to 30% silicon, or 90% or more with silicon (incl. briquettes) (MHB)
 - a. Khi làm hàng phải có dấu hiệu “NO SMOKING” đặt trên boong và các khu vực liền kề hầm hàng.
 - b. Hầm hàng phải được thông gió bằng ít nhất 2 quạt riêng biệt kiểu phòng nổ.

- .4 LINTED COTTON SEED (MHB)
 - a. Bổ sung thêm 2 thiết bị thở SCBA (cùng 2 bình khí dự trữ 1200 lít/SCBA) ngoài các bộ theo yêu cầu của Quy định II-2/10 của Công ước SOLAS.
 - b. Hàm hàng phải được trang bị hệ thống dập cháy cố định.
 - .5 SULPHUR (FORMED, SOLID) (GROUP C)
 - a. Phải trang bị thông gió tự nhiên hoặc cưỡng bức cho hàm hàng.
- 1.5 Các loại hàng thay đổi tên hoặc xóa tên trong Bộ luật IMSBC
- .1 BEET, EXPELLED OR EXTRACTED (GROUP B or C) được chia thành BEET, EXPELLED (GROUP B or C) và BEET, EXTRACTED (GROUP B or C).
 - .2 COPRA, EXPELLED OR EXTRACTED (GROUP B or C) được chia thành COPRA, EXPELLED (GROUP B or C) và COPRA, EXTRACTED (GROUP B or C).
 - .3 IRON CONCENTRATE (PELLET FEED, SINTER FEED) (GROUP A) được chia thành IRON CONCENTRATE (PELLET FEED) (GROUP A) và IRON CONCENTRATE (SINTER FEED) (GROUP A).
 - .4 PEANUTS, EXPELLED OR EXTRACTED (GROUP B or C) được chia thành PEANUTS, EXPELLED (GROUP B OR C) và PEANUTS, EXTRACTED (GROUP B or C).
 - .5 ILMENITE SAND (GROUP C) đổi từ GROUP C thành GROUP A or C.
 - .6 Xóa MAGNETITE (GROUP A) và MAGNETITE-TACONITE (GROUP A) khỏi danh mục.

2/ Tàu chưa có GCN theo Bộ luật BC

2.1 Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, theo yêu cầu của chủ tàu, VR cấp giấy chứng nhận phù hợp theo Bộ luật IMSBC để chở xô hàng rời rã. Giấy chứng nhận theo Bộ luật IMSBC được cấp theo quy trình nêu dưới đây.

2.2 Quy trình kiểm tra và cấp giấy chứng nhận theo Bộ luật IMSBC

- .1 Chủ tàu gửi đơn đề nghị tới VR, trong đó nêu rõ loại hàng dự định chuyên chở (số UN, số BC, IMO class...). VR sẽ có hướng dẫn cụ thể về yêu cầu kết cấu và trang bị đối với tàu cùng với các hồ sơ tài liệu cần trình để VR phê duyệt.
- .2 Chủ tàu yêu cầu 1 đơn vị thiết kế lập hồ sơ, tài liệu nêu ở .1 nói trên gửi cho VR phê duyệt.
- .3 Chủ tàu thực hiện việc thay đổi, trang bị bổ sung cho tàu theo đúng hồ sơ được duyệt.
- .4 Chủ tàu thông báo để VR thực hiện đợt kiểm tra bất thường xác nhận việc thay đổi và trang bị bổ sung cho tàu.

.5 Nếu kết quả kiểm tra thỏa mãn, tàu sẽ được cấp giấy chứng nhận theo Bộ luật IMSBC.

Thông báo kỹ thuật này được nêu trong mục: *Thông báo của VR/ Thông báo kỹ thuật TB* của trang tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam: <http://www.vr.org.vn>

Nếu Quý cơ quan cần thêm thông tin về vấn đề nêu trên, đề nghị vui lòng liên hệ:

Cục Đăng kiểm Việt Nam, Phòng Tàu biển

Địa chỉ: 18 Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: + 4 37684701 (số máy lẻ: 521)

Fax: +4 37684722

Thư điện tử: bangph@vr.org.vn

Xin gửi đến các Quý Cơ quan lời chào trân trọng./.

KT. TRƯỞNG PHÒNG TÀU BIỂN

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:

-Nhu trên;

-QP, CN, CTB, VRQC, TTTH;

-Lưu TB./.

Phạm Hải Bằng